

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH.T**

TỈNH GI L

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày: 16/3/2021

V/v: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH.T, TỈNH GI L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Ruyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Rmah Ét và ông Đỗ X Ua.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Thới - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ph.t, tỉnh Gi l ghi biên bản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ph.t, tỉnh Gi l tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ph.t, tỉnh Gi l, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **13/2020/TLST** - DS ngày 01/6/2020; về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13a/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021; giữa:

Nguyên đơn: bà Dương Thị D, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Thôn Ia Jut, xã Ia sol, huyện Ph.t, tỉnh Gi l (có mặt).

Bị đơn: chị Lại Thị L, sinh năm 1990;

Địa chỉ: tổ dân phố 11(tổ 10), thị trấn Ph.t, huyện Ph.t, tỉnh Gi l (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Mai X, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Thôn Plei Min, xã Ia sol, huyện Ph.t, tỉnh Gi l (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2020, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Dương Thị D trình bày:

Ngày 25/4/2018, chị Lại Thị L ở tổ dân phố 11(nay là tổ 10), thị trấn Ph.t, huyện Ph.t, tỉnh Gi l có vay của tôi số tiền là 78.000.000đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng) và hẹn sau 06 tháng sẽ trả cả gốc và lãi, nhưng chị L không thực hiện đúng theo cam kết; như vậy tính đến ngày 12/01/2020 là 20 tháng; cụ thể tính lãi suất như sau: 78.000.000đồng x 0,83% x 20 tháng = 12.948.000đồng; tổng cộng là 90.948.000đồng.

Ngày 12/10/2018, tôi cho chị Lại Thị L vay số tiền là 70.000.000đồng; hai bên thỏa thuận lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng) và hẹn sau 03tháng sẽ trả cả gốc và lãi, nhưng chị L không thực hiện đúng theo cam kết; như vậy tính đến ngày 12/01/2020 là 15 tháng; cụ thể tính lãi suất như sau: 70.000.000đồng x 0,83% x 15 tháng = 8.751.000đồng; tổng cộng là 78.751.000đồng.

Tổng cộng số tiền chị L vay của tôi tính đến ngày 12/01/2020 là 169.663.000đồng. Khi vay tiền hai bên thỏa thuận thời gian vay là 03 đến 06 tháng với lãi suất 10%/năm, nhưng khi đến hạn thì chị L không trả như cam kết mặc dù tôi đến trực tiếp rồi qua điện thoại rất nhiều lần nhưng chị L vẫn không thực hiện như đã hứa hẹn; vậy yêu cầu Tòa án buộc chị L phải trả tôi số tiền trên trên theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Tôi yêu cầu giải quyết theo quy định.

Đối với bị đơn chị Lại Thị L: Quá trình Thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị L theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chị L không lên làm việc, không có mặt, không khai báo, nên Tòa án phải đi xác minh và lập các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, lập các thủ tục không tổng đạt được, Niêm yết công khai các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải... Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên Tòa tại địa chỉ và nơi ở của chị L; Ủy ban nhân dân xã và tại trụ sở Tòa án theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chị L vẫn không tham gia tố tụng, không hợp tác cùng Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của chị Nguyễn Thị Mai X và bản tự khai với nội d; việc tôi đứng ra ký giấy xác nhận chuyển nợ với chị D vào ngày 25/4/2018 là có thật (nhưng thực tế số tiền trên đã chuyển giao cho chị L), như chị D khai là hoàn toàn đúng, vì tôi và chị D là chỗ quen biết hồi giờ, sau khi nhận và giao tiền cho chị L thì tôi chị D chị L cam kết, đến hạn chị L trả số tiền 78.000.000đồng cho chị D đúng theo thỏa thuận. Tôi cam đoan nội d mình khai báo, bản thân tôi cam kết không có liên quan gì đến việc nợ tiền với chị D, mà người trả tiền chị D là chị L; nên yêu cầu Tòa án giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ph.t, tỉnh Gi l phát biểu quan điểm về tố tụng và nội d vụ án:

Căn cứ vào khoản 4 điều 27 Luật tổ chức Viện kiểm sát;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357; 463; 465; 466; 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 01 Điều 24; khoản 02 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, từ khâu thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận...và hòa giải, các bước tổng đạt quy trình tố tụng đã thực hiện đúng theo

quy định, đúng thẩm quyền giải quyết, thời gian giải quyết vụ án đảm bảo, giải quyết theo yêu cầu nội d khởi kiện; Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự các bước của phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Về Nội d quan hệ Hợp đồng vay tài sản là đúng, nguyên đơn yêu cầu đòi 169.663.000đồng và lãi suất theo quy định tính đến ngày 12/01/2020 là có cơ sở.

Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất quá hạn, nên đại diện Viện kiểm sát chỉ tính lãi suất theo nội d đơn khởi kiện về số tiền và thời gian yêu cầu cụ thể:

Từ ngày 25/4/2018 đến ngày 16/3/2021 là 34 tháng 20ngày x 78.000.000đồng x (0,83%/tháng x 34tháng) x 0,83%/20ngày = 22.011.600đồng + 431.496đồng = 22.443.096đồng + 78.000.000đồng = 100.443.096đồng.

Từ ngày 12/10/2018 đến ngày 16/3/2021 là 29 tháng 04 ngày x 70.000.000đồng x (0,83%/tháng x 29tháng) x 0,83%/04ngày = 16.849.000đồng + 77.448đồng = 16.926.448đồng + 70.000.000đồng = 86.926.448đồng.

Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 100.443.096đồng + 86.926.448đồng = 187.370.000đồng.

Về án phí: chị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: 187.370.000đồng x 5% = 9.368.500đồng.

Đối với chị Nguyễn Thị Mai X là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Tòa án đã thu thập chứng cứ đồng thời chị X khai việc tôi đứng ra ký giấy xác nhận chuyển nợ với chị D vào ngày 25/4/2018 là có thật (nhưng thực tế số tiền trên đã chuyển giao cho chị L) nên chị L phải trả 78.000.000đồng cho chị D đúng theo thỏa thuận; xét lời khai của chị X là hoàn toàn có cơ sở nên không xem xét đề cập đến để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến làm việc, không hợp tác cùng Tòa án để ký nhận văn bản hòa giải hoặc bản khai khi Tòa án làm việc, không viết bản tự khai và cũng không có ý kiến phản hồi gì bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án phải đi xác minh và lập các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, nên phải hoãn phiên tòa; mở phiên tòa xét xử lần thứ hai theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội d*: chị Lại Thị L có vay của bà Dương Thị D số tiền là 148.000.000đồng là có thật, thời gian mượn lần 1 là ngày 25/4/2018 và lần 2 là ngày 12/10/2018, các lần vay đều hẹn sau 3 tháng hoặc 6 tháng sẽ thanh toán đầy đủ theo thỏa thuận, nhưng khi đến hạn bà D đòi nhiều lần chị L không trả, nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L phải trả số tiền 169.663.000đồng (*một trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn đồng*) theo quy định.

Xét giao dịch dân sự giữa bà D và chị L được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, về lãi suất vay các đương sự thỏa thuận đúng quy định của pháp luật; quá trình thụ lý giải quyết và tại phiên tòa bà D không yêu cầu giải quyết về lãi suất quá hạn, mà chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định, nên giao dịch trên có hiệu lực pháp luật.

Trong nội dung giấy vay tiền hai bên không ghi cụ thể phần trăm tính lãi suất mà chỉ tự thỏa thuận với nhau và thời gian trả, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà D chỉ yêu cầu giải quyết về lãi suất theo quy định là 0,83%/30ngày. Hội đồng xét xử, xét tại phiên tòa bị đơn không tham gia tố tụng nhưng các bên tự nguyện thỏa thuận và yêu cầu của bà D là có cơ sở không trái đạo đức xã hội không trái pháp luật về thời gian và lãi suất vay; nên Hội đồng xét xử, xét có cơ sở để làm căn cứ tính lãi suất;

Cụ thể tính lãi từ ngày 25/4/2018 đến ngày 16/3/2021 là 34 tháng 20 ngày x 78.000.000đồng x (0,83%/tháng x 34tháng) x 0,83%/20ngày = 22.011.600đồng + 431.496đồng = 22.443.096đồng + 78.000.000đồng = 100.443.096đồng.

Từ ngày 12/10/2018 đến ngày 16/3/2021 là 29 tháng 04 ngày x 70.000.000đồng x (0,83%/tháng x 29tháng) x 0,83%/04ngày = 16.849.000đồng + 77.448đồng = 16.926.448đồng + 78.000.000đồng = 86.926.448đồng.

Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 100.443.096đồng + 86.926.448đồng = 187.370.000đồng.

[3] Đối với chị Nguyễn Thị Mai X là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Tòa án đã thu thập chứng cứ đồng thời chị X khai việc tôi đứng ra ký giấy xác nhận chuyển nợ với chị D vào ngày 25/4/2018 là có thật (nhưng thực tế số tiền trên đã chuyển giao cho chị L) nên chị L phải trả 78.000.000đồng cho chị D đúng theo thỏa thuận; xét lời khai của chị X là hoàn toàn có cơ sở nên không xem xét đề cập đến đề giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: 187.370.000đồng x 5% = 9.368.500đồng.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357; 463; 465; 466; 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 01 Điều 24; khoản 02 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị D.

Buộc: chị Lại Thị L phải trả bà Dương Thị D số tiền là 187.370.000đồng (*một trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng*); “*Trong đó 148.000.000đồng tiền gốc và 39.370.000đồng tiền lãi*”.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án (bên có nghĩa vụ) chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, được quy định theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lại Thị L phải nộp 9.368.500đồng (*chín triệu, ba trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Dương Thị D số tiền 1.850.000đồng (*một triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí trước đây, theo biên lai thu số 0007390 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph.t, tỉnh Gi l.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (16/3/2021) các đương sự có quyền kháng cáo bản án; riêng chị Lại Thị L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã phường nơi cư trú; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về quyền lợi liên quan, trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã phường nơi cư trú lên Tòa án nhân dân tỉnh Gi l để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND.H Ph.t;
- Chi cụcTHADS.H Ph.t;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đức Ruyệt